Tiết 1,2 *Đọc văn*

TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM

I.CÁC BỘ PHẬN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Văn học dân gian

a. Khái niệm: sáng tác tập thể, truyền miệng

b. Thể loại: Thần thoại, sử thi, ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao, chèo…

c. Đặc trưng: Tính tập thể, truyền miệng

2. Văn học viết:

a. Khái niệm: Sáng tác của cá nhân (trí thức) ghi bằng chữ viết (Hán, Nôm, Quốc ngữ).

b. Thể loại: Văn xuôi, thơ, văn biến ngẫu (thế kỉ X - XIX). Tự sự (tiểu thuyết, truyện ngắn…), trữ tình(thơ), kịch (thế kỉ XX đến nay).

c. Đặc trưng: Mang đậm dấu ấn cá nhân (cá tính sang tạo).

=> + Luôn có tác động qua lại, hữu cơ, mật thiết…

+ Kết tinh ở những thiên tài văn học (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương..)

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC VIẾT VIỆT NAM

1. **Văn học trung đại** (TK X →XIX)

a. Chữ viết: Viết bằng chữ Hán, Nôm

b. Đặc điểm:

+ Chịu ảnh hưởng của học thuyết nho, phật, lão.

+ Thơ văn yêu nước, hiện thực, nhân đạo, thiền.

+ Lối viết ước lệ, điển tích, phi ngã.

2. **Văn học hiện đại** (đầu thế kỉ XX đến hết TK XX)

a. Chữ viết: Quốc ngữ, một ít chữ Hán.

b. Đặc điểm

+ Giao lưu quốc tế rộng hơn.

+ Nền văn học tiếng việt có nhiều công chúng.

+ Tác giả tác phẩm phát triển chưa từng có.

+ Từ khi Đảng ra đời văn học được sự lãnh đạo sang suốt.

+ Lối viết hiện thực đề cao

III. CON NGƯỜI VIỆT NAM QUA VĂN HỌC

1. Quan hệ với thế giới tự nhiên

+ Tư duy huyền thoại.

+ Nhận thức cải tạo, chinh phục thiên nhiên.

+ Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước

2. Quan hệ với quốc gia, dân tộc

+ Có ý thức từ rất sớm xây dựng một QG đọc lập, tự chủ.

+ Tình yêu đất nước, chống giặc ngoại xâm.

+ Tự hào dân tộc

3. Quan hệ xã hội.

+ Ước mơ xã hội công bằng, tốt đẹp, ghét áp bức bóc lột.

+ Tố cáo, phê phán các thế lực chuyên quyền

+ Cảm thông với người lao động, bị áp bức

4. Ý thức về bản thân.

+ Đề cao trách nhiệm công dân, ý thức xã hội, đạo lý làm người.

+ Đề cao quyền sống, hạnh phúc, tình yêu . . .

⇨ Con người VN: Đẹp, khí phách, hòa hùng....

Tiết: 3+4 *Tiếng Việt*

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

I. THẾ NÀO LÀ HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ

1. Tìm hiểu ngữ liệu:

* Xét ví dụ 1: trang 14/SGK

- Nhân vật giao tiếp: Vua nhà Trần và các vị bô lão

+ Vua là người đứng đầu triều đình (bề trên)

+ Các vị bô lão là thần dân (bề dưới)

+ Các nhân vật thay đổi lượt lời:

+ Lượt 1: Vua Trần nói- các vị bô lão nghe

+ Lượt 2: Các vị bô lão nói- nhà vua nghe

+ Lượt 3: Nhà Vua hỏi – các vị bô lão trả lời

+ Lượt 4: Các vị bô lão trả lời- nhà vua nghe

➥ HĐGT có 2 quá trình: tạo lập văn bản và lĩnh hội văn bản

- Hoàn cảnh giao tiếp:

+ Địa điểm: tại điện Diên Hồng

+ Thời gian: 1285, Quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ 2 (lần 1: 1257, lần 2: 1285, lần 3: 1288)

- Nội dung giao tiếp:

+ Bàn về nguy cơ của một cuộc chiến tranh xâm lược đang ở tình trạng khẩn cấp.

+ Đề cập đến vấn đề: nên hòa hay nên đánh

- Mục đích giao tiếp: bàn về kế sách đánh giặc bảo vệ đất nước.

- Kết quả giao tiếp: thành công.

* Xét ví dụ 2: trang 15/SGK

- Nhân vật giao tiếp:

+Tác giả SGK (người viết): Lứa tuổi cao hơn, có vốn sống, trình độ hiểu biết cao hơn, có nghề nghiệp là giảng dạy và nghiên cứu văn học.

+Hs lớp 10 (người đọc): Trẻ tuổi hơn, có vốn sống và trình độ thấp hơn.

- Hoàn cảnh giao tiếp: Nền giáo dục quốc dân, trong nhà trường

- Nội dung giao tiếp: Thuộc lĩnh vực văn học, về đề tài Tổng quan văn học VN:

+ Các bộ phận hợp thành của VHVN

+ Qúa trình phát triển của VH viết VN

+ Con người VN qua VH

- Mục đích giao tiếp:

+ Xét từ phía người viết: Trình bày một cách tổng quan một số vấn đề cơ bản về VHVN cho HS lớp 10

+ Xét từ phía người đọc: Thông qua việc học và đọc văn bản đõ mà tiếp nhận và lĩnh hội nhunwgx kiến thức cơ bản về VHVN trong tiến trình lịch sử, đồng thời có thể rèn luyện và nâng cao các kic năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng văn học, kĩ năng xây dựng và tạo lập văn bản.

- Cách thức, phương tiện giao tiếp:

+ Dùng một số lượng lớn các thuật ngữ văn học

+ Các câu mang đặc điểm của văn bản khoa học: Cấu tạo phức tạp, nhiều thành phần, nhiều vế nhưng mạch lạc, chặt chẽ.

+ Kết cấu cảu văn bản mạch lạc, rõ ràng: Có hệ thống đề mục lớn nhỏ, Dùng các chữ số hoặc chữ cái để đánh dấu đề mục...

2. Kết luận:

* HĐGT bằng ngôn ngữ là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong XH, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ (nói hoặc viết) nhằm thực hiện mục đích nhận thức, tình cảm, hành động…
* Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ có sự tham gia và chi phối của các nhân tố: Nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp, phương tiện và cách thức giao tiếp.

II. LUYỆN TẬP

1. Bài tập 1 trang 20SGK

- Nhân vật giao tiếp

	Nam	Nữ
Từ xưng hô:	Anh	Nàng

→ Trẻ tuổi

- Hoàn cảnh giao tiếp:

+ Đêm trăng thanh (sáng – vắng)

→phù hợp để bộc bạch yêu đương

- Nội dung giao tiếp:

+ Tre non đủ lá→nên chăng tính chuyện đan sàng

- Mục đích giao tiếp: Cũng như tre,họ đã trưởng thành

→ Tính đến chuyện kết hôn.

2.Bài tập 2 trang 20SGK

- Nhân vật giao tiếp

	Người ông	A Cỗ
	Lớn tuổi	nhỏ tuổi

Từ xưng hô: Chào, ạ, nhỉ, ...theo trình tự chào →chào đáp→khen→hỏi→đáp lời

- Câu có mục đích hỏi:

+ bố cháu có gửi pin đài lên cho ông không?

→A Cỗ trả lời: Thưa ông, có ạ!

- Từ xưng hô: Ông – cháu

Tình thái: Thưa, ạ, hả, nhỉ

Kính mến ----------Quý mến

Cháu ông

3.Bài tập 3 trang 21 SGK

- Nhân vật giao tiếp

Tác giả người đọc

- Nội dung giao tiếp

+ Mượn hình ảnh bánh trôi nước→ Thân phận

- Mục đich giao tiếp: Bày tỏ - khẳng định phẩm chất của

- Phương tiện giao tiếp:

+Từ ngữ: Trắng, tròn

+ Thành ngữ: Bảy nổi ba chìm, Tấm lòng son } Tài hoa nhưng lận đận

4. Bài tập 4 trang 21 SGK

- Dạng văn bản: Thông báo ngắn
- Đối tượng giao tiếp: Các bạn học sinh toàn trường
- Nội dung giao tiếp: Hoạt động là sạch môi trường
- Hoàn cảnh giao tiếp: Trong nhà trường nhân ngày môi trường thế giới. . .